

Bản án số: 90A/2018/DS-PT

Ngày 08/10/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan

Các Thẩm phán:

Ông Mai Tấn Hoàng

Ông Lương Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hà

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên - ông Lê Văn Hùng,
Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 88/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2018; quyết định hoãn phiên tòa số 173/2018/QĐ-DS ngày 22/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 184/2018/QĐ-DS ngày 24/9/2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm: 1964. Địa chỉ: 27 T, phường n, TP. T, tỉnh Phú Yên. (*Có đơn xin vắng mặt*)

2. **Bị đơn:** Bà Dương Thị Thúy A, sinh năm: 1958. HKTT: 38/6 L, phường m, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. (*Có đơn xin vắng mặt*)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và đơn kháng cáo, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bà Dương Thị Thúy A trả nợ số tiền 1.500.000đ theo giấy nhận nợ vay tiền ngày 05/6/2011.

- Bị đơn bà Dương Thị Thúy A trình bày: Bà Dương Thị Thúy A chấp nhận trả nợ cho bà S số tiền 1.500.000đ theo giấy nhận nợ vay tiền ngày

05/6/2011 với điều kiện bà S phải trả lại cho bà A Giấy đăng ký xe mô tô (bản gốc) của chồng bà tên Phan Văn N (đã chết) mà bà đã thế chấp để vay tiền, nếu bà S làm mất thì bà chỉ trả 1.000.000đ, còn 500.000đ giữ lại làm giấy tờ khác. Ngày 08/5/2018, bà A trình bày chỉ vay của bà S 01 lần duy nhất số tiền 1.500.000đ, thế chấp Giấy đăng ký xe đứng tên chồng bà A, hàng tháng trả lãi 150.000 đồng, chưa trả được gốc nên bà S khởi kiện được Tòa án nhân dân thành phố T xét xử vào năm 2013, do đó bà A không chấp nhận trả nợ theo Giấy nhận nợ vay tiền ngày 05/6/2011.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 93, 95, 96 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo.

- Bị đơn bà Dương Thị Thúy A yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày, không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S - Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S:

Theo nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S ngày 05/6/2011 bà có cho bà Dương Thị Thúy A vay số tiền 1.500.000đ. Quá trình khởi kiện bà S cung cấp bản sao

giấy nợ ngày 05/6/2011 để chứng minh bà A có nợ bà khoản tiền 1.500.000đ. Theo bị đơn bà Dương Thị Thúy A năm 2011 (không nhớ ngày tháng) có vay của bà S 1.500.000đ tuy nhiên khoản nợ này bà S đã kiện bà ra Tòa án và đã được xem xét bà phải có trách nhiệm trả cho bà S số tiền 1.500.000đ do đó nay bà S tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà trả nợ bà không đồng ý.

Theo tài liệu thu thập của Tòa sơ thẩm thì năm 2013, bà S có khởi kiện bà Dương Thị Thúy A về khoản nợ vay 1.500.000đ theo giấy vay nợ ngày 06/8/2011 và đã được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 136/2013/DSST ngày 22/9/2013 của TAND TP. T và Bản án dân sự phúc thẩm số 07/2014/DSPT ngày 16/01/2014 của TAND tỉnh Phú Yên có hiệu lực pháp luật. Đến nay bà A chỉ thừa nhận nợ bà S theo các bản án Tòa án hai cấp tỉnh Phú Yên xét xử và sẽ thi hành án theo bản án trên. Đối chiếu hai giấy nhận nợ tại hai vụ án đã giải quyết và đang giải quyết thì một giấy ghi nhận nợ ngày 06/8/2011 còn một giấy ngày 05/6/2011 như vậy hai khoản vay không trùng khớp về thời gian tuy nhiên việc bà S không cung cấp được giấy nhận nợ vay tiền bản gốc ngày 05/6/2011 mà chỉ cung cấp bản sao không được coi là chứng cứ chứng minh bà A có nợ bà vì vậy việc Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ, đúng pháp luật do đó cần giữ nguyên án sơ thẩm như quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 93, 95, 96, 148, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 476 Bộ luật dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2016.

Về án phí: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 200.000đ(Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp 400.000đ(Bốn trăm ngàn đồng) tại các Biên lai thu tiền số 02009 ngày 24/10/2016 và số 0010138 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự TP T, nên còn phải nộp 100.000đ(Một trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TP. T (2);
- CCTHADS TP.T;
- P.GĐKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thái Lan